

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~247~~ /TBHH-TCTBĐATHHMN

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 23 tháng 10 năm 2020

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Độ sâu vùng nước khu vực cảng cá Quy Nhơn



BDH - 10 - 2020

- Vùng biển: Tỉnh Bình Định

- Luồng hàng hải: Quy Nhơn

Căn cứ Đơn đề nghị số 195/CCBD ngày 19/10/2020 của Ban Quản lý cảng cá Bình Định về việc thông báo hàng hải độ sâu vùng nước khu vực cảng cá Quy Nhơn, kèm theo bình đồ độ sâu ký hiệu CAQN_2009_01, CAQN_2009_02, tỷ lệ 1:1000 và bình đồ rà quét chướng ngại vật ký hiệu RA_CAQN_2009, tỷ lệ 1:1000 do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam hoàn thành tháng 10 năm 2020; và theo đề nghị của Trưởng phòng An toàn hàng hải.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo:

1. Trong phạm vi khảo sát vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

- Khu vực 1:

Tên Điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
A1	13°46'30,2"N	109°14'38,5"E	13°46'26,5"N	109°14'45,0"E
A2	13°46'31,9"N	109°14'39,1"E	13°46'28,1"N	109°14'45,6"E
A3	13°46'30,4"N	109°14'43,6"E	13°46'26,6"N	109°14'50,1"E
A4	13°46'30,1"N	109°14'44,6"E	13°46'26,4"N	109°14'51,1"E
A5	13°46'30,0"N	109°14'45,9"E	13°46'26,3"N	109°14'52,4"E
A6	13°46'29,9"N	109°14'50,1"E	13°46'26,2"N	109°14'56,6"E
A7	13°46'27,1"N	109°14'49,0"E	13°46'23,4"N	109°14'55,5"E
A8	13°46'27,5"N	109°14'47,9"E	13°46'23,8"N	109°14'54,4"E
A9	13°46'27,3"N	109°14'47,5"E	13°46'23,5"N	109°14'54,0"E

Độ sâu nhỏ nhất bằng mét tính từ mực nước số "0" Hải đồ đạt -1,5m (cao hơn mực nước số "0" Hải đồ).

- Khu vực 2:

Tên Điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
B1	13°46'26,5"N	09°14'49,2"E	13°46'22,8"N	109°14'55,7"E
B2	13°46'29,9"N	109°14'50,6"E	13°46'26,2"N	109°14'57,1"E
B3	13°46'27,9"N	109°14'52,6"E	13°46'24,2"N	109°14'59,1"E
B4	13°46'26,2"N	109°14'51,8"E	13°46'22,4"N	109°14'58,3"E
B5	13°46'26,3"N	109°14'51,6"E	13°46'22,6"N	109°14'58,1"E
B6	13°46'26,1"N	109°14'51,5"E	13°46'22,4"N	109°14'58,0"E
B7	13°46'26,0"N	109°14'51,8"E	13°46'22,3"N	109°14'58,3"E
B8	13°46'25,5"N	109°14'51,6"E	13°46'21,8"N	109°14'58,1"E

Độ sâu nhỏ nhất bằng mét tính từ mực nước số "0" Hải đồ đạt -1,5m (cao hơn mực nước số "0" Hải đồ)

- Khu vực 3:

Tên Điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
A1	13°46'30,2"N	109°14'38,5"E	13°46'26,5"N	109°14'45,0"E
A2	13°46'31,9"N	109°14'39,1"E	13°46'28,1"N	109°14'45,6"E
1	13°46'32,2"N	109°14'37,5"E	13°46'28,5"N	109°14'44,0"E
2	13°46'32,3"N	109°14'30,0"E	13°46'28,5"N	109°14'36,5"E
3	13°46'33,3"N	109°14'26,6"E	13°46'29,5"N	109°14'33,1"E
4	13°46'34,7"N	109°14'23,6"E	13°46'31,0"N	109°14'30,1"E
5	13°46'41,1"N	109°14'17,2"E	13°46'37,3"N	109°14'23,7"E
6	13°46'42,7"N	109°14'18,9"E	13°46'39,0"N	109°14'25,4"E
7	13°46'37,2"N	109°14'24,3"E	13°46'33,4"N	109°14'30,8"E
8	13°46'36,1"N	109°14'25,8"E	13°46'32,4"N	109°14'32,3"E
9	13°46'35,0"N	109°14'28,6"E	13°46'31,2"N	109°14'35,1"E
10	13°46'34,6"N	109°14'30,2"E	13°46'30,9"N	109°14'36,7"E
11	13°46'34,5"N	109°14'37,9"E	13°46'30,8"N	109°14'44,4"E
12	13°46'32,3"N	109°14'45,5"E	13°46'28,6"N	109°14'52,0"E
13	13°46'32,2"N	109°14'50,6"E	13°46'28,5"N	109°14'57,1"E
14	13°46'32,6"N	109°14'49,8"E	13°46'28,9"N	109°14'56,3"E
15	13°46'37,3"N	109°14'44,3"E	13°46'33,6"N	109°14'50,8"E
16	13°46'37,2"N	109°14'38,0"E	13°46'33,4"N	109°14'44,5"E
17	13°46'36,3"N	109°14'33,9"E	13°46'32,6"N	109°14'40,4"E

18	13°46'35,7"N	109°14'31,8"E	13°46'32,0"N	109°14'38,2"E
19	13°46'35,3"N	109°14'29,7"E	13°46'31,6"N	109°14'36,2"E
20	13°46'35,3"N	109°14'29,4"E	13°46'31,5"N	109°14'35,9"E
21	13°46'35,6"N	109°14'29,4"E	13°46'31,9"N	109°14'35,9"E
22	13°46'36,9"N	109°14'25,4"E	13°46'33,2"N	109°14'31,9"E
23	13°46'41,3"N	109°14'22,8"E	13°46'37,6"N	109°14'29,3"E
24	13°46'43,7"N	109°14'17,8"E	13°46'40,0"N	109°14'24,3"E
25	13°46'41,9"N	109°14'15,8"E	13°46'38,2"N	109°14'22,3"E
26	13°46'36,8"N	109°14'18,3"E	13°46'33,0"N	109°14'24,8"E
27	13°46'33,8"N	109°14'22,4"E	13°46'30,1"N	109°14'28,9"E
28	13°46'34,1"N	109°14'23,5"E	13°46'30,4"N	109°14'30,0"E
29	13°46'31,5"N	109°14'29,3"E	13°46'27,8"N	109°14'35,8"E
30	13°46'29,7"N	109°14'37,7"E	13°46'26,0"N	109°14'44,2"E

Độ sâu nhỏ nhất bằng mét tính từ mực nước số "0" Hải đồ đạt -1,7m (cao hơn mực nước số "0" Hải đồ).

- Khu vực 4:

Tên Điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
T1 (Điểm đầu)	13°46'31,1"N	109°14'50,3"E	13°46'27,4"N	109°14'56,8"E
T2	13°46'31,1"N	109°14'46,1"E	13°46'27,4"N	109°14'52,6"E
T3	13°46'31,2"N	109°14'45,5"E	13°46'27,5"N	109°14'52,0"E
T4	13°46'31,2"N	109°14'45,0"E	13°46'27,5"N	109°14'51,5"E
T5	13°46'31,3"N	109°14'44,5"E	13°46'27,6"N	109°14'51,0"E
T6	13°46'31,5"N	109°14'44,0"E	13°46'27,8"N	109°14'50,5"E
T7	13°46'33,1"N	109°14'39,1"E	13°46'29,4"N	109°14'45,6"E
T8	13°46'33,2"N	109°14'38,6"E	13°46'29,5"N	109°14'45,1"E
T9	13°46'33,3"N	109°14'38,0"E	13°46'29,6"N	109°14'44,5"E
T10	13°46'33,4"N	109°14'37,5"E	13°46'29,7"N	109°14'44,0"E
T11	13°46'33,4"N	109°14'36,9"E	13°46'29,7"N	109°14'43,4"E
T12	13°46'33,4"N	109°14'30,7"E	13°46'29,7"N	109°14'37,2"E
T13	13°46'33,4"N	109°14'30,1"E	13°46'29,7"N	109°14'36,6"E
T14	13°46'33,5"N	109°14'29,4"E	13°46'29,8"N	109°14'35,9"E
T15	13°46'33,7"N	109°14'28,8"E	13°46'30,0"N	109°14'35,3"E

T16	13°46'33,9"N	109°14'28,2"E	13°46'30,2"N	109°14'34,7"E
T17	13°46'34,8"N	109°14'25,8"E	13°46'31,1"N	109°14'32,3"E
T18	13°46'35,1"N	109°14'25,3"E	13°46'31,4"N	109°14'31,8"E
T19	13°46'35,3"N	109°14'24,8"E	13°46'31,6"N	109°14'31,3"E
T20	13°46'35,6"N	109°14'24,3"E	13°46'31,9"N	109°14'30,8"E
T21	13°46'36,0"N	109°14'23,9"E	13°46'32,3"N	109°14'30,4"E
T22	13°46'36,3"N	109°14'23,5"E	13°46'32,6"N	109°14'30,0"E
T23 (điểm cuối)	13°46'41,9"N	109°14'18,1"E	13°46'38,2"N	109°14'24,6"E

Độ sâu nhỏ nhất bằng mét tính từ mực nước số "0" Hải đồ đạt -0,1m (cao hơn mực nước số "0" Hải đồ).

- Khu vực 5: được giới hạn bởi đường tròn đường kính 90m, có tọa độ tâm như sau:

Tên Điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
O	13°46'33,4"N	109°14'33,2"E	13°46'29,7"N	109°14'39,7"E

Độ sâu nhỏ nhất bằng mét tính từ mực nước số "0" Hải đồ đạt -0,2m (cao hơn mực nước số "0" Hải đồ).

2. Trong phạm vi khảo sát rà quét chương ngại vật được giới hạn bởi các điểm có tọa độ nêu trên không phát hiện chương ngại vật nguy hiểm.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI:

Các phương tiện hành trình trong khu vực cảng cá Quy Nhơn lưu ý độ sâu ở trên để có biện pháp hành hải an toàn.

Để biết thêm thông tin chi tiết, hồ sơ pháp lý liên quan liên hệ với Ban Quản lý cảng cá Bình Định⁽¹⁾.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn;
- Công ty Thông tin điện tử Hàng hải;
- Lãnh đạo Tổng công ty BĐATHH miền Nam;
- website www.vms-south.vn;
- Phòng: KTKH, HTQT&QLHT;
- Lưu VT-VP, P.ATHH_{Hòa}.

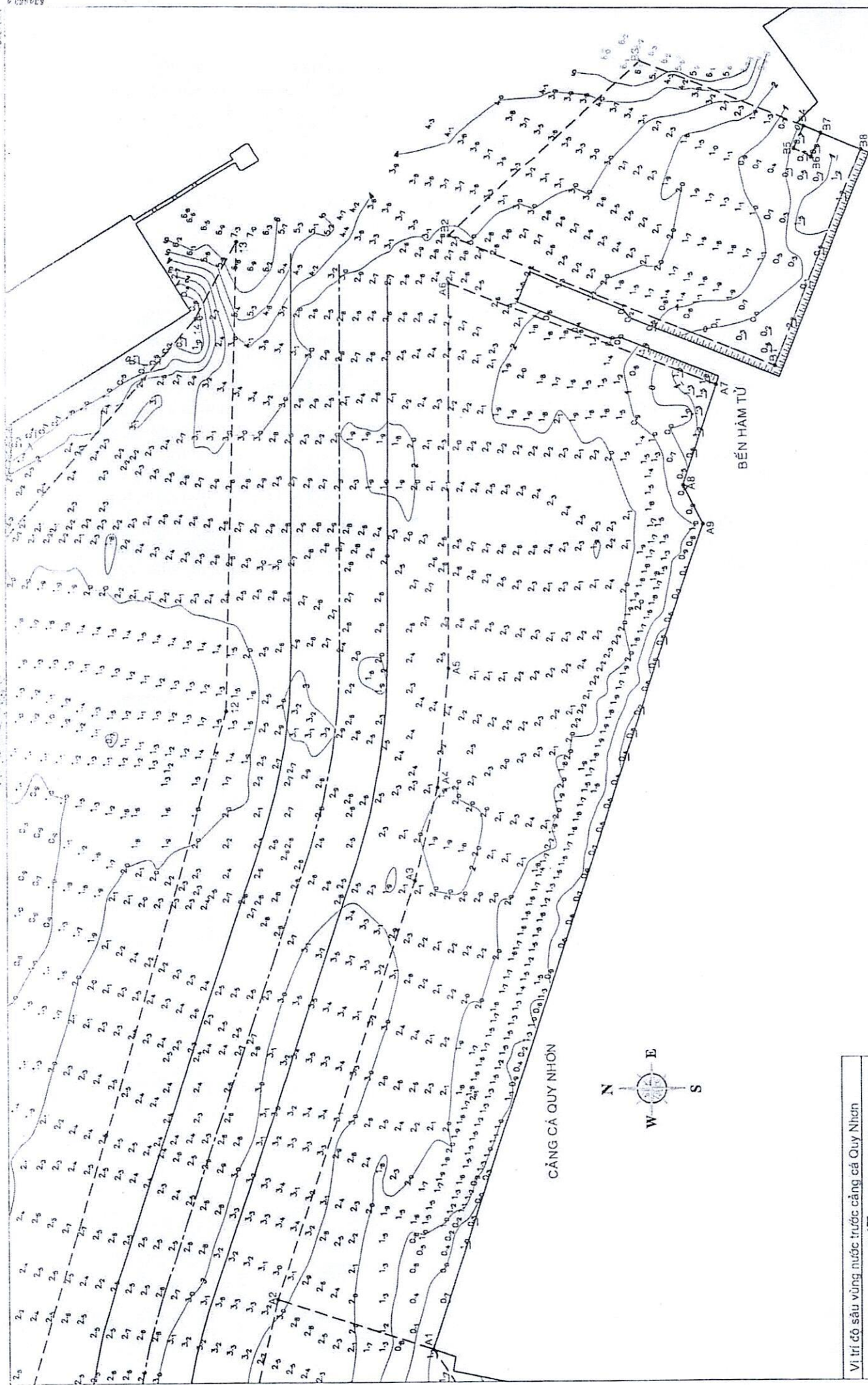
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Đức Thi

1) Tổ chức cung cấp số liệu, thông tin phục vụ việc công bố thông báo hàng hải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin minh cung cấp theo khoản 3, điều 47, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

Danh sách nơi nhận kèm theo

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 3 Chi Cục Đường sông phía Nam
- 4 Cục Cảnh sát biển
- 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - XNLD Dầu khí Vietsovpetro (VSP)
 - Tổng Cty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
 - Tổng Cty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP)
 - Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans)
 - Cty CP Vận tải SP Khí quốc tế (Gas shipping)
 - Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu miền Nam (NASOS)
- 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 7 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam
 - Công ty Vận tải Biển Đông (BISCO)
 - Công ty Vận tải biển container Vinalines (VCSC)
 - Công ty Vận tải biển Vinalines (VLC)
 - Công ty CP Hàng hải Đông Đô (DONG DO MARINE)
 - Cty CP VT biển & Hợp tác LĐ Q tế (INLACO SAIGON)
 - Công ty CP Hàng hải Vinalines Nha Trang
- 9 Hiệp hội Cảng biển Việt Nam
- 8 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn)
- 10 Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh
- 11 Đài Thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh
- 12 Công ty Vận tải biển VN (VOSCO)
- 13 Công ty Vận tải biển III (VINASHIP)
- 14 Cty Vận tải và thuê tàu biển VN (VITRANSCHART)
- 15 Cty Vận tải xăng dầu đường biển
- 16 Cty Vận tải Thủy Bắc
- 17 Cty VT và cung ứng xăng dầu đường thủy I
- 18 Cty Vận tải biển Sài Gòn
- 19 Trường Cao đẳng nghề hàng hải TP.HCM
- 20 Trường Đại học GTVT TP.HCM
- 21 Cảng Sài Gòn
- 22 XN Tàu dịch vụ dầu khí
- 23 XN Trục Vớt Cứu Hộ Vận Tải I
- 24 Công ty Phương Nam - Bộ Quốc phòng
- 25 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam
- 26 Chi nhánh Tcty BĐATHHMN tại TPHCM
- 27 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Nam Trung Bộ
- 28 Cty TNHH MTV Hoa tiêu KV VII
- 29 Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn
- 30 Đài Thông tin Duyên hải Quy Nhơn
- CÁC SỞ GTVT & NT&PTNT CÁC TỈNH
- 31 Bình Định
- 32 Bộ đội biên phòng tỉnh Bình Định
- 33 Ban quản lý cảng cá Bình Định



Vị trí độ sâu vùng nước trước cảng cá Quy Nhơn
Kèm theo TBHH số: 247 /TBHH-TCTBDATHMN
Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải
Trích từ bình đồ độ sâu ký hiệu CACN_2039_01, tỷ lệ 1/1.000